

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: 6493 /KH-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày 27 tháng 7 năm 2016

KẾ HOẠCH

Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020

I. Căn cứ lập Kế hoạch

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin được Quốc hội thông qua ngày 22/6/2006 có hiệu lực từ ngày 01/01/2007;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về công nghệ thông tin và truyền thông”;

Quyết định số 63/QĐ-TTg ngày 13/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển an toàn thông tin số quốc gia đến năm 2020;

Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020;

Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 – 2020; Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 13/6/2013 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 – 2020;

Nghị Quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Chi thị số 23/CT-TTg ngày 05/8/2014 về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;

Căn cứ Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ văn bản số 2634/BTTTT-THH ngày 17/8/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Kế hoạch 5312/KH-UBND ngày 09/7/2015 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ về Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị Quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia cần ưu tiên triển khai tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử;

Văn bản số 1178/BTTTT-THH ngày 21/4/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Phiên bản 1.0;

II. HIỆN TRẠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TỈNH ĐỒNG NAI

1. Môi trường pháp lý

UBND tỉnh Đồng Nai chỉ đạo quyết liệt việc thực hiện công tác ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước thông qua việc ban hành các Quyết định, Kế hoạch như:

- Kế hoạch số 3899/KH-UBND ngày 10/6/2011 của UBND tỉnh về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011 -2015 (gọi tắt là KH).

- Kế hoạch số 1089/KH-UBND ngày 20/02/2012 về việc triển khai Đề án “Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về công nghệ thông tin và truyền thông” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2012-2015.

- Kế hoạch số 5908/KH-UBND ngày 24/7/2013 về việc thực hiện lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2015. Quyết định số 1631/QĐ-UBND ngày 19/6/2015 của UBND tỉnh phê duyệt Lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020.

- Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 04/4/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về tổ chức, quản lý và sử dụng hộp thư điện tử trong các cơ quan nhà nước của tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 70/2009/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Quyết định số 49/2013/QĐ-UBND ngày 15/8/2013 nhằm quy định thẩm quyền thẩm định, phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước nhưng không lập dự án trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo hướng dẫn tại Thông tư số 21/2010/TT-BTTTT ngày 08/9/2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Quyết định số 02/2014/QĐ-UBND ngày 14/01/2014 ban hành quy chế đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thay thế Quyết định số 34/2009/QĐ-UBND ngày 21/5/2009 của UBND tỉnh.

- Quyết định số 47/2014/QĐ-UBND ngày 23/10/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng chữ ký số, chứng thư số trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Kế hoạch 5312/KH-UBND ngày 09/7/2015 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ về Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị Quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế

- Hàng năm, ban hành kế hoạch về ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Đồng Nai.

2. Hạ tầng kỹ thuật

- Mạng TSLCD được kết nối đến 100% các cơ quan Đảng và nhà nước cấp tỉnh và cấp huyện, 100% đảng ủy cấp xã.

- 100% các cơ quan kết nối mạng nội bộ giữa các phòng ban trực thuộc, góp phần hình thành hệ thống mạng riêng từ tỉnh đến huyện đảm bảo an toàn thông tin, tạo cơ sở hạ tầng triển khai các ứng dụng từ tỉnh đến huyện và kết nối liên thông đến các ngành, các cấp.

- 170/171 UBND cấp xã kết nối Mega Wan và Metro Wan với băng thông 2M phục vụ CCHC 1 cửa liên thông (Riêng xã Đắc Lua sử dụng đường truyền Internet của VNPT Lâm Đồng)

- Tỷ lệ cán bộ, công chức hành chính được trang bị máy tính đạt 100%.

- Hoàn thành hạ tầng hệ thống giao ban điện tử trực tuyến phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước từ tỉnh đến huyện. Bảo đảm các điều kiện về kỹ thuật để 100% các cuộc họp giữa Chính phủ với tỉnh, giữa tỉnh và các huyện có thể được thực hiện trên môi trường mạng.

- Đã hoàn thành cài đặt các thiết bị trong dự án xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh Đồng Nai

- Bàn giao hơn 900 bộ chứng thư số cho cấp trưởng/phó phòng trở lên của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Hạ tầng đảm bảo an toàn thông tin:

- 35/40 đơn vị trang bị tường lửa nhằm kiểm soát máy tính ra vào hệ thống mạng cơ quan; 20/40 đơn vị triển khai hệ thống phát hiện và phòng chống xâm nhập (IDS/IPS); 40/40 đơn vị cài đặt phần mềm diệt virus; 33/40 đơn vị bố trí máy vi tính riêng để soạn thảo văn bản, lưu giữ thông tin có nội dung mật; 37/40 đơn vị còn cài đặt hệ điều hành Windows XP.

- 19/40 đơn vị triển khai hệ thống mạng nội bộ theo mô hình Clients/Server và 21/40 đơn vị theo mô hình mạng ngang hàng; 28/40 đơn vị (kiểm soát việc cài đặt phần mềm vào máy chủ và máy trạm; 40/40 đơn vị cấu hình nhật ký (logfile) để theo dõi và phân tích sự cố cho hệ thống thông tin dùng chung của đơn vị; 40/40 đơn vị triển khai dịch vụ sao lưu dữ liệu; 27/40 đơn vị trang bị hệ thống chống sét; 17/40 đơn vị trang bị hệ thống phòng chống cháy nổ; 40/40 đơn vị quét virus trước khi mở các tập tin đính kèm theo thư điện tử; 37/40 đơn vị khai thác, sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng dành riêng cho cơ quan Đảng, Nhà nước, trong đó hầu hết các đơn vị đã kết nối đến các phòng/ban trực thuộc đơn vị mình quản lý; 10/40 đơn vị kết nối mạng internet đồng thời vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

- Ngoài ra, để phục vụ cho công tác ứng dụng CNTT theo đặc thù của từng ngành, một số đơn vị đã xây dựng hạ tầng CNTT và thiết lập hệ thống mạng diện rộng riêng kết nối từ tỉnh đến huyện như Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Cục Hải quan Đồng Nai, Cảnh sát PC&CC...

3. Ứng dụng CNTT trong nội bộ các cơ quan nhà nước

a. Phục vụ công tác chỉ đạo, quản lý và điều hành:

- Đến nay đã có 100% cán bộ, công chức các sở, ban, ngành và địa phương được cung cấp hộp thư điện tử công vụ. Trong đó ước khoảng 90% cán bộ, công chức thường xuyên sử dụng thư điện tử góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động, năng suất lao động, thực hành tiết kiệm.

- 40% các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được trao đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử.

- 100% cơ quan hành chính nhà nước triển khai, cài đặt và sử dụng phần mềm để quản lý văn bản và điều hành.

b. Phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ từng ngành:

- Để phục vụ cho công tác ứng dụng CNTT theo đặc thù của từng ngành, một số đơn vị đã xây dựng riêng các phần mềm phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ ngành như:

- Sở Khoa học và Công nghệ triển khai nhân rộng và hoạt động chính thức 148 điểm thông tin KH&CN tại các Trung tâm học tập cộng đồng các xã, phường, thị trấn; Triển khai I- Office cho các đơn vị: Cục thuế tỉnh Đồng Nai, Huyện Ủy Long Thành, Công ty Cấp thoát nước Bến Tre, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Vĩnh Long, Công ty Dofico, Đoàn khối các cơ quan tỉnh.

- Sở Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng các phần mềm chuyên môn, nghiệp vụ như: Quản lý kho số lưu trữ dữ liệu tài nguyên và môi trường, phần mềm giám sát phương tiện và quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, phần mềm và dữ liệu quản lý hợp đồng thuê đất, phần mềm Quản lý thu và nộp phí Bảo vệ môi trường...

- Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) triển khai các phần mềm trong công tác quản lý giáo dục (Lecture maker, Adobe captivate, Adobe presenter, phần mềm xếp thời khóa biểu, phần mềm quản lý học sinh, sinh viên...)

- Sở Y tế: đã triển khai các phần mềm ứng dụng gồm phần mềm Quản lý cấp phép.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai các phần mềm ứng dụng theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp, phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy rừng như: Phần mềm theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp; Sử dụng phần mềm QGIS trong theo dõi Diễn biến rừng và Đất lâm nghiệp...

- Cục Thuế tỉnh đã hoàn thành việc triển khai hệ thống ứng dụng quản lý thuế TNCN trên địa bàn tỉnh.

- Kho bạc nhà nước triển khai các ứng dụng: Quản lý đầu tư xây dựng cơ bản nội ngành; Quản lý cán bộ; Kiểm kê tài sản; Kế toán Kho bạc nhà nước; Quản lý thanh toán đầu tư XDCB; Thanh toán điện tử trong hệ thống KBNN; Kết nối đầu tư - kế toán; Khai thác báo cáo; Thanh toán bù trừ; Quản lý trái phiếu kho bạc và quản lý trái phiếu Địa phương; Tra cứu thông tin khách hàng; Kế toán tài vụ nội bộ nhằm phục vụ cho công tác chuyên môn nghiệp vụ tại đơn vị.

- Cục Hải quan triển khai hệ thống thông quan điện tử và cơ chế một cửa quốc gia (gọi tắt hệ thống VNACCS/VCIS) cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh sử dụng thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu.

(Đính kèm Phụ lục 1 danh sách các hệ thống CSDL)

4. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

4.1 Ứng dụng công nghệ thông tin tại bộ phận một cửa:

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong mô hình một cửa tại UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hoà đến nay đã triển khai được 11/11 huyện, thị, thành phố. Hiện nay đang từng bước triển khai trên diện rộng, ưu tiên triển khai tại những khu vực có mật độ dân số cao, có đòi hỏi lớn hơn về nhu cầu giải quyết các thủ tục hành chính cấp huyện, cấp xã, cụ thể đang triển khai mở rộng hệ thống một cửa điện tử cho 09 sở (Kế hoạch và Đầu tư, Lao động Thương binh và Xã hội, Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa Thể thao Du lịch, Công thương, Thông tin và Truyền thông, Ngoại vụ, Nội vụ) và 150 UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh.

- Hoàn chỉnh việc kết nối phần mềm một cửa với các phần mềm: đất đai, hộ tịch, công an.

– Đã hoàn thành việc xây dựng module liên thông và kết nối thử nghiệm với phần mềm Tiếp công dân, xử lý đơn thư giải quyết khiếu nại tố cáo của Thanh tra tỉnh Đồng Nai.

4.2 Công/ trang thông tin điện tử:

– Trên địa bàn tỉnh hiện nay có 62 trang thông tin điện tử (trang TTĐT) của các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị xã hội đang hoạt động.

– Nâng cấp công TTĐT tỉnh bổ sung thêm các tính năng hỗ trợ người khuyết tật theo chuẩn WCAG v1.0 được quy định tại Thông tư số 28/2009/TT-BTTTT ngày 14/09/2009. Xây dựng mục “Trợ giúp người Khuyết tật” trên công TTĐT.

– Thực hiện nâng cấp đối với các Trang TTĐT chưa đạt yêu cầu theo Nghị định 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước, tồn tại các hạn chế và một số lỗi phần mềm gây khó khăn trong quá trình khai thác sử dụng, và theo nhu cầu thực tế của đơn vị. Tích hợp các Trang TTĐT được xây dựng khác và cùng công nghệ Sharepoint vào Cổng TTĐT tỉnh nhằm đảm bảo dễ dàng quản lý, thống nhất về công nghệ, dữ liệu, đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin

– Triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Đồng Nai theo Quyết định số 1631/QĐ-UBND ngày 19/6/2015 về lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến tỉnh Đồng Nai đến năm 2020. Hiện trên toàn tỉnh có 1137 thủ tục hành chính. Trong đó tổng số thủ tục đã được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3, 4 là 148 (Đính kèm Phụ lục 2).

– Đăng tải nội dung “Hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến” trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh (dongnai.gov.vn) và đăng thông tin tuyên truyền “Hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến” 2 kỳ liên tiếp trên báo Đồng Nai và báo Lao động Đồng Nai.

– Thực hiện việc sao chép đĩa DVD gửi cho bộ phận một cửa cấp huyện để tuyên truyền hướng dẫn khai thác sử dụng các dịch vụ công trực tuyến của Nhà nước cho người dân và doanh nghiệp trên địa bàn.

– Việc cung cấp thông tin và các dịch vụ công trực tuyến trên cổng thông tin điện tử tỉnh Đồng Nai và tích hợp, nâng cấp các Trang TTĐT của các cơ quan Nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội vào hệ thống Cổng TTĐT tỉnh sẽ tạo môi trường cung cấp thông tin giữa các cơ quan quản lý nhà nước với nhau, giữa cơ quan nhà nước với các tổ chức, cá nhân; thuận tiện trong việc truy cập, tìm kiếm, chia sẻ, khai thác thông tin và các dịch vụ công trực tuyến cho người dùng, đảm bảo hệ thống Cổng TTĐT được vận hành đồng bộ, ổn định, an toàn thông tin và giúp việc quản lý dữ liệu được tập trung, tiết kiệm chi phí quản lý, vận hành kỹ thuật, đường truyền.

5. Hiện trạng về nguồn nhân lực ứng dụng CNTT

– Tổng số công chức làm công tác chuyên trách công nghệ thông tin trình độ từ cử nhân cao đẳng trở lên là 141.

– 100% các cơ quan hành chính nhà nước có cán bộ làm công tác chuyên trách công nghệ thông tin trình độ từ cử nhân cao đẳng trở lên.

– Hàng năm, xem xét bổ sung thêm cán bộ CNTT hưởng chế độ trợ cấp thu hút theo Quyết định số 10/2010/QĐ-UBND ngày 01/3/2010 của UBND tỉnh.

– Tổ chức các lớp đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn về CNTT cho các cán bộ công chức theo từng đối tượng.

6. Đánh giá những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân trong quá trình ứng dụng CNTT:

– Cán bộ công chức, viên chức được cấp hộp thư điện tử Đồng Nai nhưng việc khai thác sử dụng còn hạn chế, vẫn còn tồn tại một số cơ quan, cá nhân còn sử dụng thư điện tử bên ngoài như yahoo, gmail, hotmail,... để trao đổi công việc hoặc dùng thư điện tử công vụ để đăng ký thành viên các diễn đàn (forum), các trang mạng xã hội (facebook, twitter, ...). Điều này, dẫn đến quá tải hệ thống, mất an toàn thông tin, lộ lọt thông tin ra bên ngoài.

– Ứng dụng phần mềm văn phòng mã nguồn mở chưa được cán bộ, công chức, viên chức sử dụng rộng rãi nhằm góp phần hạn chế vi phạm bản quyền và tiết kiệm chi phí mua các phần mềm thương mại. Các đơn vị có trang thông tin điện tử nhưng thiếu công tác theo dõi, giám sát, cập nhật và xử lý cung cấp thông tin thường xuyên trên mạng. Ứng dụng CNTT tại cấp xã chưa được địa phương quan tâm đầy mạnh.

– Đã xây dựng các phần mềm CSDL phục vụ chuyên ngành về tài nguyên môi trường, y tế, giáo dục, tài chính, ngân hàng. Tuy nhiên, việc chia sẻ, khai thác CSDL giữa các cơ quan nhà nước vẫn còn hạn chế, dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý.

– Các cơ quan hành chính triển khai dịch vụ công trực tuyến không đồng bộ, còn rời rạc chưa tập trung về Cổng TTĐT tỉnh.

– Cán bộ chuyên trách CNTT trong các cơ quan còn thiếu về số lượng và chất lượng để tiếp nhận, quản lý, vận hành các hệ thống ứng dụng CNTT. Thiếu cán bộ có chuyên môn hoặc kinh nghiệm về CNTT để tham mưu lãnh đạo triển khai tại địa phương cấp huyện và các sở, ban, ngành. Khả năng tiếp cận các quy định nhà nước về lĩnh vực ứng dụng CNTT của cán bộ, công chức còn hạn chế.

– Các đơn vị thiếu công tác giám sát việc ứng dụng CNTT đối với cán bộ, công chức, viên chức, đã ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai các hoạt động ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước.

– Một số đơn vị còn chưa quan tâm công tác bảo đảm an toàn thông tin khi triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.

7. Kinh phí triển khai các dự án ứng dụng CNTT chính trong các cơ quan nhà nước giai đoạn 2011-2015 và các dự án còn đang triển khai đến nay.

– Trong giai đoạn 2011-2015, toàn tỉnh có 61 dự án ứng dụng công nghệ thông tin chính trong các cơ quan nhà nước, trong đó 15 dự án thuộc nhóm phát triển hạ tầng kỹ thuật; 35 dự án thuộc nhóm phục vụ chỉ đạo và điều hành; 08 dự án thuộc nhóm phục vụ cho người dân và doanh nghiệp, 02 dự án phục vụ công tác đảm bảo an toàn thông tin và 01 dự án thuộc nhóm phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin. Tổng mức dự toán hơn 632 tỷ đồng, nguồn vốn từ ngân sách địa phương và Trung ương hỗ trợ.

– Đến nay, chỉ có 72,1% dự án đã và đang triển khai theo kế hoạch đề ra. Trong đó, 27 dự án hoàn thành, đưa vào khai thác sử dụng với tổng kinh phí thực hiện hơn 222 tỷ đồng (trong đó các dự án ứng dụng công nghệ thông tin dùng chung cho toàn tỉnh do Sở Thông tin và Truyền thông đã triển khai là 6 tỷ đồng; Dự án Xây dựng triển khai phần mềm hộ tịch của Sở Tư pháp đã triển khai là 6,5 tỷ đồng; Các dự án ứng dụng công nghệ thông tin ứng dụng trong ngành Công an do Công an tỉnh đã triển khai là 172 tỷ đồng; Còn lại các dự án khác do các sở, ban, ngành đã triển khai là 37,5 tỷ đồng); 17 dự án đang trong giai đoạn lập, xây dựng dự án, phê duyệt đấu thầu hoặc đang triển khai nhưng chưa hoàn thành, tổng kinh phí dự kiến hơn 139 tỷ đồng (trong đó các dự án ứng dụng công nghệ thông tin dùng chung cho toàn tỉnh do Sở Thông tin và Truyền thông dự kiến triển khai là 23 tỷ đồng; Dự án Xây dựng hệ thống thông tin quản lý ngành Y tế tỉnh Đồng Nai do Sở Y tế triển khai dự kiến là 27 tỷ đồng; Dự án giải pháp hội nghị Truyền hình Trực tuyến của Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh do Ban Tuyên giáo triển khai dự kiến là 21 tỷ đồng; Các dự án ứng dụng công nghệ thông tin của ngành Tài nguyên và Môi trường do Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai dự kiến là 40 tỷ đồng; Còn lại các dự án khác do các sở, ban, ngành dự kiến triển khai là 28 tỷ đồng); còn lại 7 dự án chưa thực hiện, chưa có chủ trương và 10 dự án hủy vì một số lý do như: trùng với dự án của các Bộ có liên quan và các dự án tổng thể, lồng ghép dự án vào nhau.

III. MỤC TIÊU ỨNG DỤNG CNTT TRONG HOẠT ĐỘNG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Mục tiêu tổng quát:

– Phát triển hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu cấp tỉnh tạo nền tảng phát triển chính phủ điện tử.

– Công nghệ thông tin được ứng dụng rộng rãi và thực sự trở thành phương thức phát triển mới, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước tại địa phương.

– Đẩy mạnh ứng dụng CNTT nhằm giảm thời gian, số lần trong một năm người dân và doanh nghiệp phải đến trực tiếp cơ quan nhà nước thực hiện các thủ tục hành chính.

– An toàn mạng và hạ tầng thông tin được bảo đảm ở mức độ đáp ứng nhu cầu phát triển công nghệ thông tin của tỉnh. Đảm bảo an toàn thông tin mức cao nhất trong quá trình cung cấp các dịch vụ trực tuyến cho người dân. Hầu hết các ứng dụng công nghệ thông tin và trao đổi dữ liệu đều tương thích về chuẩn an toàn thông tin.

2. Mục tiêu cụ thể:

Mục tiêu ứng dụng trong giai đoạn 2016-2020 cụ thể như sau:

1. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước

– Phần đầu 100% cán bộ, công chức thường xuyên sử dụng thư điện tử Đồng Nai trong các cơ quan sử dụng phục vụ công việc.

– 100% cơ quan hành chính nhà nước cấp sở, ban, ngành, địa phương cấp huyện, xã sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành để quản lý hồ sơ công việc và điều hành hoạt động trong cơ quan.

– 80% các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được trao đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử.

– 100% CBCC quản trị hệ thống thông tin trong các cơ quan nhà nước được đào tạo, bồi dưỡng cập nhật nâng cao trình độ và nhận thức về an toàn thông tin

2. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

– 100% cơ quan hành chính có trang thông tin điện tử và duy trì cung cấp thông tin thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

– 100% các thủ tục hành chính của tỉnh Đồng Nai được cung cấp cho công dân trên môi trường mạng ở mức độ 3, 4. Trong đó có 30% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến ở mức độ 4.

– 100% cơ quan hành chính triển khai và ứng dụng hiệu quả một cửa, một cửa liên thông hiện đại.

– 95% hồ sơ khai thuế của doanh nghiệp được nộp qua mạng.

– 90% số doanh nghiệp đăng ký thực hiện nộp thuế qua mạng.

– 100% cơ quan, tổ chức thực hiện giao dịch điện tử trong việc thực hiện thủ tục tham gia bảo hiểm xã hội.

– Tỷ lệ cấp đăng ký doanh nghiệp qua mạng đạt 20%.

– Tỷ lệ cấp giấy chứng nhận đầu tư qua mạng đạt 10%.

– Tối thiểu 50% số lượng các gói thầu chào hàng cạnh tranh, 40% số lượng các gói thầu quy mô nhỏ đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế thực hiện lựa chọn nhà thầu qua mạng.

– 100% doanh nghiệp xuất nhập khẩu thực hiện thông quan điện tử cho hàng hóa xuất nhập khẩu.

– 100% doanh nghiệp xuất nhập khẩu thực hiện nộp thuế xuất nhập khẩu, tiền phí, lệ phí và các khoản thu khác qua Ngân hàng

IV. NỘI DUNG KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2016-2020

Căn cứ tình hình ứng dụng CNTT giai đoạn 2011 - 2015 trên địa bàn; để đạt được mục tiêu đã đề ra, hướng đến chính quyền điện tử tại Đồng Nai và xây dựng nền hành chính hiện đại, nội dung Kế hoạch ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020, dự kiến tập trung các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tiếp tục triển khai các nội dung đảm bảo hạ tầng kỹ thuật ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước

– Rà soát, bổ sung Quy hoạch phát triển Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, định hướng đến năm 2025, nhất là lĩnh vực công nghệ thông tin và hạ tầng thông tin của tỉnh, bảo đảm khả năng kết nối liên thông giữa cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã và cấp Trung ương.

– Rà soát, triển khai các cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh đảm bảo đồng bộ, liên thông với các hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia.

– Tăng cường khai thác hiệu quả hạ tầng thông tin hiện có, tiếp tục xây dựng và mở rộng mạng cáp quang băng rộng đến các xã, phường, thị trấn trên toàn tỉnh.

– Tích hợp hệ thống công nghệ thông tin điện tử của tỉnh vào hệ thống công nghệ thông tin điện tử quốc gia.

– Xây dựng dự án Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2 với mục đích mở rộng năng lực Trung tâm tích hợp dữ liệu đáp ứng nhu cầu triển khai cho các cơ quan thuộc Đảng, Đoàn thể, tổ chức chính trị và cấp xã.

– Xây dựng và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin, CSDL chuyên ngành tạo nền tảng phát triển chính quyền điện tử tỉnh Đồng Nai đồng bộ, kết nối, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.

2. Triển khai các ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước

– Các đơn vị xây dựng các ứng dụng chuyên ngành trên cơ sở khung kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh.

– Xây dựng Trục liên thông để kết nối các ứng dụng, CSDL và các hệ thống quản lý văn bản và điều hành trên địa bàn tỉnh.

– Tăng cường trao đổi văn bản điện tử, thư điện tử trong hoạt động của cơ quan nhà nước. Mở rộng trao đổi văn bản với các tỉnh và cơ quan trung ương.

– Tiếp tục chủ động rà soát triển khai, cài đặt và sử dụng phần mềm mã nguồn mở cho cán bộ, công chức, viên chức sử dụng để hạn chế vi phạm bản quyền phần mềm trong hoạt động ứng dụng công nghệ của cơ quan nhà nước

– Ban hành Tiêu chí đánh giá, phân loại kết quả thực hiện nhiệm vụ ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

3. Triển khai các ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

Các nhiệm vụ chính cần tập trung bao gồm:

– Thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 theo Quyết định số 1631/QĐ-UBND ngày 19/6/2015 về lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến tỉnh Đồng Nai đến năm 2020.

– Xây dựng kết nối Cổng thông tin điện tử tỉnh Đồng Nai, các kênh thông tin đối thoại trực tuyến giữa lãnh đạo tỉnh với doanh nghiệp để giải quyết thắc mắc, nắm bắt nhu cầu của doanh nghiệp.

– Tăng cường ứng dụng CNTT trong thực hiện khảo sát đánh giá người dân về sự phục vụ của CBCC, VC nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

– Tổ chức triển khai có hiệu quả Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2014-2020 và các đề án, dự án liên quan đến thương mại, thanh toán điện tử.

– Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các ngành, các lĩnh vực nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý điều hành của cơ quan nhà nước, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp, đặc biệt là các ngành kinh tế, kỹ thuật, các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, giao thông, xây dựng, điện, thuế, hải quan...; thực hiện đấu thầu qua mạng, Quản lý bệnh án điện tử, triển khai thuế điện tử, triển khai hải quan điện tử.

– Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ tái cơ cấu và hiện đại hóa nông thôn, thúc đẩy hình thành các doanh nghiệp phát triển nông thôn.

– Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý, điều hành ứng phó với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nguồn nhân lực, lao động và các chính sách xã hội đối với người có công, xóa đói, giảm nghèo.

4. Về triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin

– Xây dựng và triển khai đề án đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020.

– Triển khai ứng dụng chứng thực điện tử và chữ ký số (đối tượng CBCC trên địa bàn tỉnh); giải pháp đảm bảo an toàn thông tin khi thực hiện gửi và nhận văn bản điện tử trên mạng.

– Tích hợp chữ ký số chuyên dùng của Ban Cơ yếu Chính phủ và các hệ thống thông tin của tỉnh và các sở, ngành. Tăng cường giám sát an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin như: Thư điện tử, Công/Trang Thông tin điện tử, Một cửa điện tử, Phần mềm quản lý văn bản và nhiều phần mềm chuyên ngành khác của các đơn vị trên địa bàn tỉnh

– Kiểm tra, đánh giá mức độ an toàn thông tin và có biện pháp khắc phục, phòng ngừa hiệu quả đối với các hệ thống thông tin trong cơ quan nhà nước.

– Thường xuyên thông báo, hướng dẫn xử lý các vấn đề về an toàn thông tin như các lỗ hổng bảo mật mới, các sự cố an toàn thông tin, các hình thức tấn công của tin tặc và các vấn đề về an toàn an ninh thông tin khác nhằm hỗ trợ bộ phận chuyên trách và cán bộ công chức, viên chức cập nhật thông tin, cách phòng chống kịp thời.

– Triển khai quản lý an toàn thông tin số theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 27001:2013.

5. Về đào tạo và bố trí nguồn nhân lực CNTT

– Ưu tiên nguồn nhân lực, đẩy mạnh triển khai có hiệu quả Kế hoạch tổng thể phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020.

– Triển khai kế hoạch Bồi dưỡng kỹ năng quản lý và triển khai ứng dụng CNTT cho CBCC thuộc sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã.

– Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ, cập nhật kiến thức và nâng cao nhận thức UDCNTT cho CBCCVC.

– Đẩy mạnh hoạt động của đội ứng cứu sự cố máy tính và tiếp tục đào tạo nâng cao trình độ CNTT cho đội ngũ này phù hợp xu hướng phát triển CNTT thế giới.

– Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn về Kiến trúc chính quyền điện tử.

– Thu hút đội ngũ nhân lực công nghệ thông tin trong nước và nước ngoài chuyển giao cho tỉnh những tri thức và công nghệ tiên tiến hoặc về làm việc cho tỉnh.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp môi trường pháp lý: Các chương trình, nhiệm vụ, dự án ứng dụng CNTT khi sử dụng vốn ngân sách nhà nước phải thực hiện theo Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ quy định về quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và Thông tư số 21/2010/TT-BTTTT ngày 08/9/2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước nhưng không yêu cầu phải lập dự án; Hiệu chỉnh, bổ sung, hoàn thiện chính sách thu hút, đãi ngộ công chức, viên chức làm công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước thay thế Quyết định số 10/2010/QĐ-UBND ngày 01/3/2010. Ưu tiên tuyển dụng và xét chọn cán bộ,

công chức, viên chức làm việc cho cơ quan nhà nước có kỹ năng, kiến thức ứng dụng CNTT đáp ứng nhu cầu công tác chuyên môn. Bố trí cán bộ làm công tác CNTT hoặc thành lập tổ CNTT để quản lý, vận hành và duy trì ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan; xây dựng và ban hành Khung Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Đồng Nai theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông tại văn bản số 270/BTTTT-UDCNTT ngày 06/02/2012

2. Giải pháp tài chính: Đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư: vốn sự nghiệp của Trung ương, vốn đầu tư từ ngân sách tỉnh.

3. Giải pháp triển khai: Tập trung triển khai các nhiệm vụ có trọng tâm, trọng điểm và cần thiết đầu tư. Việc triển khai cần có sự phối hợp, gắn kết giữa các ngành các cấp, có kế thừa và phát huy những kết quả đạt được, đặc biệt gắn kết chặt chẽ vai trò phối hợp với cơ quan tham mưu quản lý nhà nước về lĩnh vực CNTT đối với cấp tỉnh, cấp huyện. Kết hợp chặt chẽ việc triển khai Kế hoạch này gắn với triển khai Chương trình cải cách hành chính của tỉnh. Triển khai các ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên cơ sở Khung Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh sau khi được ban hành.

4. Các giải pháp khác

- Tăng cường hoạt động của Ban chỉ đạo CNTT của tỉnh trong điều hành triển khai công tác ứng dụng CNTT của cơ quan nhà nước.

- Đẩy mạnh công tác tổ chức tuyên truyền, quảng bá trên tất cả các phương tiện thông tin đại chúng để mọi người dân và doanh nghiệp biết và khai thác hiệu quả các ứng dụng CNTT như: dịch vụ công được cung cấp trực tuyến, một cửa điện tử...

- Xây dựng cơ chế khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào quá trình phát triển các ứng dụng CNTT; đẩy mạnh hoạt động thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện thuê dịch vụ công nghệ thông tin theo quy định của Chính phủ để tạo ra thị trường cạnh tranh, khuyến khích các doanh nghiệp phát triển, cung cấp các dịch vụ CNTT, giảm đầu tư hạ tầng từ ngân sách nhà nước và nâng cao hiệu quả UD CNTT.

- Tổ chức các buổi hội thảo giữa các Sở, Ban ngành để trao đổi kinh nghiệm, đưa ra các giải pháp để nâng cao công tác phối hợp triển khai đạt hiệu quả các ứng dụng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

VI. LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI:

Năm 2016-2017: Tập trung xây dựng và ban hành Khung Kiến trúc chính quyền điện tử của Tỉnh. Tăng cường các ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp như: dịch vụ công trực tuyến, triển khai mở rộng phân hệ một cửa điện tử. Nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng CNTT tại các cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh và huyện.

Năm 2017-2020: Các đơn vị xây dựng các ứng dụng chuyên ngành trên cơ sở Khung Kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh. Triển khai đề án đảm bảo an

toàn thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

VII. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CNTT TRONG HOẠT ĐỘNG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TỈNH ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Đính kèm Phụ lục 3 danh mục các dự án CNTT)

VIII. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ:

1. Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội:

- Góp phần cải cách thủ tục hành chính, giảm thời gian xử lý hồ sơ và thời gian đi lại của công dân. Các qui trình tin học hóa giúp xử lý thông tin hồ sơ của cán bộ tại các sở, ban, ngành và địa phương theo chức năng nghiệp vụ của mình trong một hệ thống thông tin thống nhất và thông suốt.

- Tạo dựng được hệ thống báo cáo thống kê tức thời phục vụ công tác quản lý nhà nước. Nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành của lãnh đạo trong công tác quản lý.

- Nâng cao năng suất xử lý, đảm bảo xử lý kịp thời hồ sơ theo qui định mà không cần tăng biên chế. Giảm bớt các công việc cập nhật thông tin trùng nhiều lần, ở nhiều nơi, và nhiều sổ để lập báo cáo...

- Xây dựng được kênh thông tin để khảo sát ý kiến người dân về chất lượng phục vụ của công chức, viên chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

- Dữ liệu đánh giá của người dân là cơ sở để điều chỉnh thái độ thực hiện công vụ của công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trong quá trình hướng dẫn, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân

2. Đánh giá hiệu quả về kinh phí:

- Tiết kiệm được chi phí hành chính (giấy tờ, in ấn..), chi phí đi lại của người dân và doanh nghiệp, chi phí đầu tư hạ tầng CNTT tập trung, tránh dàn trải, trùng lắp gây lãng phí.

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Phối hợp cùng với Bộ Thông tin và Truyền thông, Ban chỉ đạo CNTT tỉnh, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy cùng các sở, Ban, Ngành, UBND các huyện, thị xã Long Khánh, Thành phố Biên Hòa, Ủy ban Mặt trận tổ quốc tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng Nghị quyết số 26/NQ-CP, các chiến lược, chính sách, pháp luật về ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin.

- Chủ trì theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch, định kỳ báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

- Chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan tiến hành xây dựng kiến trúc tổng thể cho chính quyền điện tử tỉnh Đồng Nai.

– Tham mưu tăng cường hoạt động của Ban chỉ đạo CNTT tỉnh để triển khai công tác ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước được kịp thời, hiệu quả.

– Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tin tăng cường và đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cấp nhận thức và kiến thức về công nghệ thông tin trong xã hội.

– Chủ trì tổ chức triển khai các dự án ứng dụng CNTT dùng chung trong các cơ quan nhà nước trong tỉnh.

– Phối hợp các ngành có liên quan nghiên cứu tham mưu UBND tỉnh xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, các quy định đối với hoạt động ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

– Chịu trách nhiệm thẩm định thiết kế sơ bộ các dự án ứng dụng CNTT của các đơn vị sở, ban, ngành, các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa; thẩm định đề cương và dự toán chi tiết đối với các hoạt động ứng dụng CNTT không cần lập dự án khi sử dụng vốn ngân sách sự nghiệp.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

– Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông ưu tiên, bảo đảm đủ nguồn kinh phí chi đầu tư phát triển, vốn đầu tư để thực hiện các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch này nói riêng và các chương trình đề án, dự án ứng dụng phát triển công nghệ thông tin nói chung.

– Hướng dẫn lồng ghép các nội dung về ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin các chiến lược, chương trình, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

3. Sở Tài chính

– Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, bổ sung các chính sách, quy định về tài chính, thuế và hải quan nhằm tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy, phát triển công nghệ thông tin.

– Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối và trình cấp thẩm quyền bố trí kinh phí hàng năm thực hiện các nhiệm vụ liên quan thuộc Kế hoạch này; bảo đảm ưu tiên phân bổ kinh phí cho công nghệ thông tin và các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch này.

4. Sở Nội vụ

– Đưa chỉ tiêu ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin vào chỉ tiêu Thi đua – Khen thưởng; bảo đảm ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin là nội dung thường xuyên trong hoạt động chỉ đạo, điều hành, cũng như kiểm điểm hàng năm của tỉnh..

5. Sở Tư pháp:

– Phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông kiểm tra lại thủ tục hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước các cấp, số lượng dịch vụ công mức độ 1, 2, 3, 4.

6. Sở Khoa học và Công nghệ:

– Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các Sở, Ban, Ngành liên quan ưu tiên bố trí kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ cho nghiên cứu, phát triển, sản xuất, chuyển giao, ứng dụng về công nghệ thông tin. Tăng cường năng lực nghiên cứu, sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ thông tin, từng bước làm chủ công nghệ mới, công nghệ mở, chuẩn mở.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các Sở, Ban, Ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất và triển khai các chính sách, quy định, giải pháp về giáo dục và đào tạo nhằm thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin.

– Hướng dẫn lồng ghép nội dung về ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin trong tổ chức triển khai các nhiệm vụ liên quan chương trình đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo

8. Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh

– Thực hiện tăng cường hoạt động ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin gắn với bảo đảm an toàn, an ninh, bảo mật thông tin; tăng cường năng lực cho hệ thống giám sát an toàn bảo mật cho các hệ thống thông tin trọng yếu của Đảng, Nhà nước; phòng, chống chiến tranh mạng, chiến tranh thông tin, bảo vệ chủ quyền số quốc gia, giữ vững an ninh, quốc phòng.

9. Giao lãnh đạo các Sở, Ban, Ngành, UBND các huyện, Thị xã Long Khánh, Thành phố Biên hòa và các cơ quan trực thuộc UBND tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao:

– Xây dựng dự toán chi thực hiện Kế hoạch hành động, tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông để trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của Luật ngân sách nhà nước; định kỳ hàng năm sơ kết, đánh giá tình hình thực hiện gửi Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

– Chỉ đạo đưa mục tiêu, nhiệm vụ ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin vào kế hoạch công tác dài hạn và hằng năm; gắn nội dung ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin với các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội năm 2015 và giai đoạn 2016-2020; bảo đảm ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin là nội dung bắt buộc, quan trọng trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển, cũng như từng đề án, dự án đầu tư của Sở, ban, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị.

– Chỉ đạo đưa tiêu chí ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin vào chỉ tiêu Thi đua – Khen thưởng; bảo đảm ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin là nội dung thường xuyên trong hoạt động chỉ đạo, điều hành, cũng như kiểm điểm hàng năm tại cơ quan, đơn vị mình.

Trên cơ sở nội dung kế hoạch đã được xây dựng, các ngành các cấp tập trung triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện để điều chỉnh bổ sung Kế hoạch, đồng thời báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm./.

Nơi nhận:

- Bộ TTTT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa;
- Chánh, Phó VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CNN, TTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

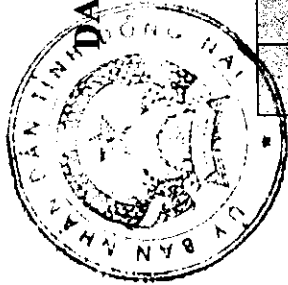


Trần Văn Vĩnh

PHỤ LỤC I

DANH SÁCH CÁC HỆ THỐNG CSDL ĐANG TRIỂN KHAI HOẶC ĐÃ CÓ PHÊ DUYỆT TRIỂN KHAI

(Ban hành kèm theo KH số: 6493 / KH - UBND ngày 27 tháng 7 năm 2016)



Số	Tên CSDL	Căn cứ và mục tiêu đầu tư, xây dựng	Cơ quan phê duyệt	Cách thức tổ chức quản lý, vận hành duy trì CSDL	Đối tượng thụ hưởng	Vai trò quản lý điều hành của tổ quan	Nguồn vốn và tổng mức đầu tư
1	Ứng dụng CNTT trong mô hình một cửa tại UBND Tx. Long Khánh, Tp. Biên Hòa và các huyện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	Đổi mới cách thức, quy trình giải quyết các thủ tục hành chính, tạo chuyển biến cơ bản trong quan hệ giữa cơ quan hành chính với công dân, tổ chức, giám phiên hà và chi phí cho công dân, tổ chức, được nhân dân đồng tình ủng hộ; giảm tối đa sự phiền hà cho tổ chức, công dân khi có yêu cầu giải quyết công việc tại cơ quan hành chính nhà nước	UBND tỉnh Đồng Nai	Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Đồng Nai chịu trách nhiệm vận hành quản trị hệ thống, UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm cập nhật thông tin lên hệ thống một cửa điện tử tại đơn vị.	Người dân và doanh nghiệp	Giúp tăng cường năng lực quản lý công vụ phục vụ tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp	Nguồn ngân sách tỉnh: 4 tỷ
2	Quản lý Biên bản bàn giao	Phục vụ yêu cầu công tác của đơn vị	Cục Hải quan Đồng Nai	Trung tâm dữ liệu & CNTT	Các Chi cục trực thuộc		Tự xây dựng
3	Theo dõi kết quả giám định	Phục vụ yêu cầu công tác của đơn vị	Cục Hải quan Đồng Nai	Trung tâm dữ liệu & CNTT	Các Chi cục trực thuộc		Tự xây dựng
4	Theo dõi hồ sơ hoàn thuế không thu	Phục vụ yêu cầu công tác của đơn vị	Cục Hải quan Đồng Nai	Trung tâm dữ liệu & CNTT	Các Chi cục trực thuộc		Tự xây dựng
5	Quản lý công văn, công việc	Phục vụ yêu cầu công tác của đơn vị	Cục Hải quan Đồng Nai	Trung tâm dữ liệu & CNTT	Các đơn vị trực thuộc		200 triệu

6	Đăng ký danh mục NK hàng hóa miễn thuế trực tuyến	Phục vụ yêu cầu công tác của đơn vị	Cục Hải quan Đồng Nai	Trung tâm dữ liệu & CNTT	Các Chi cục trực thuộc		Tự xây dựng
7	Theo dõi quản lý Xử lý vi phạm hành chính	Phục vụ yêu cầu công tác của đơn vị	Cục Hải quan Đồng Nai	Trung tâm dữ liệu & CNTT	Các Chi cục trực thuộc		Tự xây dựng
8	Theo dõi quản lý bảo cáo phức tạp và KTSTQ	Phục vụ yêu cầu công tác của đơn vị	Cục Hải quan Đồng Nai	Trung tâm dữ liệu & CNTT	Các Chi cục trực thuộc		Tự xây dựng
9	Quản lý kho ngoại quan	Phục vụ yêu cầu công tác của đơn vị	Cục Hải quan Đồng Nai	Trung tâm dữ liệu & CNTT	Các Chi cục trực thuộc		Tự xây dựng
10	Xếp loại công chức trực tuyến	Phục vụ yêu cầu công tác của đơn vị	Cục Hải quan Đồng Nai	Trung tâm dữ liệu & CNTT	Các đơn vị trực thuộc		Tự xây dựng
11	Đánh giá năng lực cán bộ	Phục vụ yêu cầu công tác của đơn vị	Cục Hải quan Đồng Nai	Trung tâm dữ liệu & CNTT	Các đơn vị trực thuộc		Tự xây dựng
12	Tra cứu mã số thuế hàng hóa	Phục vụ yêu cầu công tác của đơn vị	Cục Hải quan Đồng Nai	Trung tâm dữ liệu & CNTT	Các Chi cục trực thuộc		Tự xây dựng
13	Bảo cáo ngày	Phục vụ yêu cầu công tác của đơn vị	Cục Hải quan Đồng Nai	Trung tâm dữ liệu & CNTT	Các Chi cục trực thuộc		Tự xây dựng
14	Liên chuyển tờ khai cấp Cục và Chi cục	Phục vụ yêu cầu công tác của đơn vị	Cục Hải quan Đồng Nai	Trung tâm dữ liệu & CNTT	Các Chi cục trực thuộc		Tự xây dựng
15	Kế toán văn phòng	Phục vụ yêu cầu công tác của Ngành	Tổng Cục Hải quan	Trung tâm dữ liệu & CNTT	Các đơn vị trực thuộc		Tổng cục Hải quan cấp
16	Kế toán Imastic	Phục vụ yêu cầu công tác của Ngành	Tổng Cục Hải quan	Trung tâm dữ liệu & CNTT	Phòng TVQT		Tổng cục Hải quan cấp
17	Quản lý tài sản	Phục vụ yêu cầu công tác của Ngành	Tổng Cục Hải quan	Trung tâm dữ liệu & CNTT	Các Chi cục trực thuộc		Tổng cục Hải quan cấp
18	Quản lý nhân sự	Phục vụ yêu cầu công tác của Ngành	Tổng Cục Hải quan	Trung tâm dữ liệu & CNTT	Phòng Tổ chức cán bộ		Tổng cục Hải quan cấp
19	Thông quan điện tử	Phục vụ yêu cầu công tác của Ngành	Tổng Cục Hải quan	Trung tâm dữ liệu & CNTT	Các Chi cục trực thuộc		Tổng cục Hải quan cấp
20	Thông kê tập trung	Phục vụ yêu cầu công tác của Ngành	Tổng Cục Hải quan	Trung tâm dữ liệu & CNTT	Các đơn vị trực thuộc		Tổng cục Hải quan cấp

21	Thống kê Thuế và Kim ngạch XNK	Phục vụ yêu cầu công tác của Ngành	Tổng Cục Hải quan	Trung tâm dữ liệu & CNTT	Các đơn vị trực thuộc	Tổng cục Hải quan cấp
22	Quản lý rủi ro RMII	Phục vụ yêu cầu công tác của Ngành	Tổng Cục Hải quan	Trung tâm dữ liệu & CNTT	Các Chi cục trực thuộc	Tổng cục Hải quan cấp
23	Giám sát chuyển cửa khẩu	Phục vụ yêu cầu công tác của Ngành	Tổng Cục Hải quan	Trung tâm dữ liệu & CNTT	Các Chi cục trực thuộc	Tổng cục Hải quan cấp
24	Quản lý hàng SXKK	Phục vụ yêu cầu công tác của Ngành	Tổng Cục Hải quan	Trung tâm dữ liệu & CNTT	Các Chi cục trực thuộc	Tổng cục Hải quan cấp
25	Quản lý hàng Gia công	Phục vụ yêu cầu công tác của Ngành	Tổng Cục Hải quan	Trung tâm dữ liệu & CNTT	Các Chi cục trực thuộc	Tổng cục Hải quan cấp
26	Kế toán KT559	Phục vụ yêu cầu công tác của Ngành	Tổng Cục Hải quan	Trung tâm dữ liệu & CNTT	Các Chi cục trực thuộc	Tổng cục Hải quan cấp
27	Quản lý hệ thống Giá tính thuế GTT01	Phục vụ yêu cầu công tác của Ngành	Tổng Cục Hải quan	Trung tâm dữ liệu & CNTT	Các Chi cục trực thuộc	Tổng cục Hải quan cấp
28	Quản lý Vi phạm	Phục vụ yêu cầu công tác của Ngành	Tổng Cục Hải quan	Trung tâm dữ liệu & CNTT	Các Chi cục trực thuộc	Tổng cục Hải quan cấp
29	Quản lý tờ khai SLXNK	Phục vụ yêu cầu công tác của Ngành	Tổng Cục Hải quan	Trung tâm dữ liệu & CNTT	Các Chi cục trực thuộc	Tổng cục Hải quan cấp
30	Cơ sở dữ liệu hệ thống thông quan điện tử tự động Vnascc và Vcis	Phục vụ yêu cầu công tác của Ngành	Tổng Cục Hải quan	Trung tâm dữ liệu & CNTT	Các Chi cục trực thuộc	Tổng cục Hải quan cấp
31	Hệ thống CSDL Đất đai cho các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa	Phục vụ công tác Quản lý đất đai	UBND tỉnh	Trung tâm CNTT quản lý, vận hành thống nhất tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu	Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp nhất; Chi Cục Quản lý đất đai, Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, cán bộ địa chính phường/xã	Xây dựng theo dự án CNTT năm 2007 Nâng cấp hàng năm dựa trên vốn sự nghiệp TNMT

32	CSDL Môi trường	Phục vụ công tác Quản lý môi trường	UBND tỉnh	Trung tâm CNTT quản lý, vận hành thống nhất tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu	Chi cục Bảo vệ Môi trường cấp nhất, sử dụng. Phòng TNMT các huyện tra cứu. Hệ thống quan trắc môi trường tự động của nhà nước, doanh nghiệp cấp nhất. Các doanh nghiệp kê khai một số thông tin.	Tăng cường năng lực bảo vệ môi trường	Xây dựng theo dự án CNTT năm 2007 Nâng cấp hàng năm dựa trên vốn sự nghiệp TNMT
33	CSDL Nước	Phục vụ công tác quản lý tài nguyên nước	UBND tỉnh	Trung tâm CNTT quản lý, vận hành thống nhất tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu	Phòng Tài nguyên Nước cấp nhất, sử dụng	Tăng cường năng lực quản lý tài nguyên nước	Xây dựng theo dự án CNTT năm 2007 Nâng cấp hàng năm dựa trên vốn sự nghiệp TNMT
34	CSDL Khoáng sản	Phục vụ công tác quản lý khoáng sản	UBND tỉnh	Trung tâm CNTT quản lý, vận hành thống nhất tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu	Phòng Khoáng sản cấp nhất, sử dụng	Tăng cường năng lực quản lý tài nguyên khoáng sản	Xây dựng theo dự án CNTT năm 2007 Nâng cấp hàng năm dựa trên vốn sự nghiệp TNMT
35	CSDL Thanh tra - Kiểm tra	Phục vụ công tác thanh tra - kiểm tra	UBND tỉnh	Trung tâm CNTT quản lý, vận hành thống nhất tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu	Thanh tra Sở cấp nhất, sử dụng	Tăng cường năng lực thanh tra TNMT	Xây dựng theo dự án CNTT năm 2007 Nâng cấp hàng năm dựa trên vốn sự nghiệp TNMT
36	CSDL Website	Phục vụ website Sở TNMT	UBND tỉnh	Trung tâm CNTT quản lý, vận hành thống nhất tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu	Người dân và doanh nghiệp	Cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến phục vụ nhân dân	Xây dựng theo dự án CNTT năm 2007 Nâng cấp hàng năm dựa trên vốn sự nghiệp TNMT

37	CSDL Hồ sơ điện tử	- Phục vụ phần mềm hồ sơ điện tử (phần mềm nội nghiệp phục vụ dịch vụ công trực tuyến mức 3) - Phục vụ Module dịch vụ công mức 3 trên website Sở	Số TNMT	Trung tâm CNTT quản lý, vận hành thông nhất tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu	Số TNMT	Người dân và doanh nghiệp	Kiểm tra, giám sát việc giám quyết các thủ tục hành chính	Xây dựng và nâng cấp hàng năm dựa trên vốn sự nghiệp TNMT
38	CSDL Quản lý nhân sự	Quản lý nhân sự	Đơn vị sự nghiệp thuộc Sở TNMT	- Trung tâm CNTT - Trung tâm Kỹ thuật và Địa chính nhà đất - Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất	- Trung tâm CNTT - Trung tâm Kỹ thuật và Địa chính nhà đất - Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất	- Trung tâm CNTT - Trung tâm Kỹ thuật và Địa chính nhà đất - Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất	Quản lý nhân sự	Vốn của các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở TNMT
39	CSDL Điều hành công việc	Điều hành công tác hành chính	Đơn vị sự nghiệp thuộc Sở TNMT	- Trung tâm CNTT - Trung tâm Kỹ thuật và Địa chính nhà đất - Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất	- Trung tâm CNTT - Trung tâm Kỹ thuật và Địa chính nhà đất - Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất	- Trung tâm CNTT - Trung tâm Kỹ thuật và Địa chính nhà đất - Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất	- Quản lý, phân công văn bản đi, đến, nội bộ - Giao việc; quản lý, giám sát tiến độ công việc. - Đăng ký lịch họp	Vốn của các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở TNMT
40	CSDL Kế toán	Phục vụ công tác tài chính	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở; Sở TNMT	Quản lý, vận hành tại các phòng, đơn vị trực thuộc và tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu	Các phòng, đơn vị trực thuộc.	- Các phòng, đơn vị trực thuộc. - Sở TNMT	Phục vụ công tác tài chính	Vốn sự nghiệp TNMT
41	CSDL Kho lưu trữ điện tử TNMT	Phục vụ công tác quản lý kho lưu trữ TNMT	Không	Trung tâm CNTT tự xây dựng, quản lý vận hành	Trung tâm CNTT	Trung tâm CNTT	Phục vụ công tác quản lý kho lưu trữ TNMT	Không được cấp vốn

42	Phân mềm các khoản thu từ đất	<p>Xây dựng các phần mềm liên quan đến đất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - quản lý và theo dõi tiền thuế đất. - Trước bạ. 	UBND tỉnh Đồng Nai	Cục Thuế tỉnh Đồng Nai chịu trách nhiệm vận hành quản trị hệ thống, các đơn vị thuộc văn phòng Cục thuế và các Chi cục thuế cấp nhất và khai thác thông tin	Các cơ quan thuế trong tỉnh	Giúp tăng cường năng lực quản lý trong lĩnh vực đất đai	Nguồn ngân sách tỉnh: 1.951.915 tỷ
----	-------------------------------	---	--------------------	---	-----------------------------	---	------------------------------------



PHỤ LỤC II
DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 3, 4
ƯU TIÊN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2016

(Ban hành kèm theo KH số: 64931 KH-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2016 của Sở Thông tin và Truyền thông)

TT	Tên dịch vụ công
A	CẤP TỈNH
I	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
1	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
2	Cấp phép khoáng sản
3	Cấp phép lĩnh vực tài nguyên môi trường nước
4	Chuyển đổi mục đích sử dụng đất
5	Tặng, thừa kế, thế chấp, giao thuê quyền sử dụng đất
II	SỞ XÂY DỰNG
6	Cấp phép xây dựng
7	Cấp phép quy hoạch xây dựng
8	Cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng
9	Cấp chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình
10	Cấp chứng chỉ hành nghề cho kỹ sư, kiến trúc sư
III	SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
11	Giấy chứng nhận đầu tư
12	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp
IV	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
13	Cấp giấy chứng nhận hành nghề kinh doanh thuốc thú y
14	Cấp giấy phép khai thác thủy sản
15	Chứng nhận hoạt động tàu cá
16	Chứng chỉ nghề buôn bán thuốc bảo vệ thực vật
17	Cấp chứng đủ điều kiện sản xuất, sơ chế rau quả, an toàn
V	SỞ Y TẾ
18	Cấp giấy chứng nhận kinh doanh thuốc
19	Chứng chỉ hành nghề dược
20	Cấp giấy chứng nhận, chứng chỉ hành nghề y tế tư nhân
VI	SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
21	Cấp, đổi giấy phép kinh doanh vận tải
22	Cấp, đổi giấy phép lái xe
VII	SỞ TƯ PHÁP
23	Khai sinh có yếu tố nước ngoài
24	Giám hộ có yếu tố nước ngoài
25	Cấp phiếu lý lịch tư pháp
26	Đăng ký hành nghề luật sư
VIII	SỞ CÔNG THƯƠNG
27	Đăng ký giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu
28	Đăng ký giấy phép kinh doanh buôn bán các sản phẩm rượu
29	Đăng ký kinh doanh bán buôn sản phẩm thuốc lá
30	Cấp phép văn phòng đại diện
31	Cấp phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
IX	SỞ NGOẠI VỤ

32	Cấp hộ chiếu công vụ, ngoại giao
X	SỞ VĂN HÓA THE THAO DU LỊCH
33	Cấp giấy phép biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp
34	Cấp giấy phép thực hiện quảng cáo
XI	SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
35	Cấp giấy phép bưu chính
XII	SỞ LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH & XÃ HỘI
36	Cấp phép lao động cho người nước ngoài
B	UBND CẤP HUYỆN
1	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
2	Đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất
3	Cấp phép xây dựng nhà ở riêng lẻ
4	Cấp giấy phép các hoạt động sử dụng vỉa hè, lề đường
C	UBND CẤP XÃ
1	Cấp phép xây dựng nhà ở riêng lẻ
2	Khai sinh
3	Kết hôn
4	Đăng ký việc giám hộ



PHỤ LỤC III
DANH MỤC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ SẼ TRIỂN KHAI TRONG
KẾ HOẠCH ỨNG DỤNG CNTT TỈNH ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 2016-2020
(Ban hành kèm theo: K/H số: 6493/KH-UBND); ngày 27 tháng 7 năm 2016)

Đơn vị: triệu đồng

STT	TÊN DỰ ÁN, NHIỆM VỤ	CHỦ ĐẦU TƯ	MỤC TIÊU	THỜI GIAN THỰC HIỆN	DỰ KIẾN KINH PHÍ	NGUỒN VỐN	DỰ ÁN ƯU TIÊN	CHI CHÚ
	Tổng kinh phí dự kiến thực hiện				324.182			
A	Phát triển hạ tầng kỹ thuật				163.405			
1	Xây dựng phòng họp trực tuyến tại Tỉnh ủy Đồng Nai	Văn phòng Tỉnh ủy		2015-2016	2.000	sự nghiệp	X	
2	Bổ sung, nâng cấp thiết bị công nghệ thông tin, hệ thống mạng trong các cơ quan Đảng	Văn phòng Tỉnh ủy	Bổ sung, nâng cấp, thay thế các thiết bị CNTT trang bị cho các bộ từ cấp tỉnh tới cấp xã, phường thị trấn. Thay thế các thiết bị mạng tại Văn phòng Tỉnh ủy, các ban Đảng, đảng ủy, các huyện, thị, thành ủy, Đảng ủy xã, phường, thị trấn.	2016-2020	10.000	Đầu tư phát triển	X	
3	Xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu của các cơ quan đảng tỉnh Đồng Nai	Văn phòng Tỉnh ủy		2016-2017	8.000	Đầu tư phát triển	X	
4	Hệ thống truyền hình trực tuyến	Vp UBND tỉnh	Giám thời gian, chi phí tổ chức, di chuyển của cán bộ công chức các cuộc họp với các huyện, đầu tư MCU, vcs.	2016-2020	3.000	sự nghiệp	X	

STT	TÊN DỰ ÁN, NHIỆM VỤ	CHỦ ĐẦU TƯ	MỤC TIÊU	THỜI GIAN THỰC HIỆN	DỰ KIẾN KINH PHÍ	NGUỒN VỐN	DỰ ÁN DƯ TIÊN	GHI CHÚ
5	Nâng cấp duy trì hệ thống tại Văn phòng UBND tỉnh	Vp UBND tỉnh	Bảo đảm hoạt động ổn định của các thiết bị tin học. Đảm bảo phần mềm hệ thống, ứng dụng có bản quyền.	2016-2020	5.000	sự nghiệp		
6	Xây dựng hệ thống dự phòng cho Hệ thống điều hành và tích hợp cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	Đảm bảo an toàn cho Hệ thống điều hành và tích hợp cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.	2018 - 2020	15.000	NS sự nghiệp TNMT	X	
7	Xây dựng hệ thống Hội nghị trực tuyến	Sở Tài nguyên và Môi trường	nhằm giải đáp thắc mắc của người dân, doanh nghiệp trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường	2017	2.000	NS sự nghiệp TNMT	X	
8	Nâng cấp hạ tầng CNTT Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Nông nghiệp và PTNT		2016-2020	3.000	NS Sự nghiệp nông nghiệp		
9	Đầu tư mua sắm thiết bị CNTT phục vụ cho cán bộ phụ trách công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Phục vụ phần mềm chuyên ngành	2016	2.945	Ngân sách đầu tư phát triển Khoa học và Công nghệ	X	
10	Tin học hóa Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội		2016-2017	3.000	sự nghiệp		
11	Nâng cấp cơ sở hạ tầng CNTT số Công thương	Sở Công Thương		2017-2019	4.500	Đầu tư phát triển		

STT	TÊN DỰ ÁN, NHIỆM VỤ	CHỦ ĐẦU TƯ	MỤC TIÊU	THỜI GIAN THỰC HIỆN	DỰ KIẾN KINH PHÍ	NGUỒN VỐN	DỰ ÁN ƯU TIÊN	GHI CHÚ
12	Trung tâm tích hợp dữ liệu giai đoạn 2	Sở Thông tin và Truyền thông	Mở rộng năng lực Trung tâm tích hợp dữ liệu đáp ứng nhu cầu triển khai cho các cơ quan hành chính nhà nước, các cơ quan thuộc Đảng, Đoàn thể, tổ chức chính trị và cấp xã đến năm 2025	2017-2018	30.000	Đầu tư phát triển	X	-Chủ trương đầu tư giai đoạn 2 đã được nêu trong dự án Xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Đồng Nai (giai đoạn 1) theo QĐ đầu tư số 3478/QĐ-UBND ngày 29/10/2013 của UBND tỉnh -Công văn số 2634/BTTTT-THH ngày 17/8/2015
13	Tin học hóa ngành thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	Mua sắm thiết bị thực hiện nâng cấp hệ thống mạng máy tính nhằm thay thế một số máy móc, thiết bị đã hư hỏng, xuống cấp. - Đảm bảo cho hoạt động chuyên môn tại Sở. - Nâng cao chất lượng hiệu quả của việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác cải cách hành chính tại Sở Kế hoạch và Đầu tư.	2016-2018	5.000	Đầu tư phát triển		
14	Dự án nâng cấp hạ tầng CNTT tại Sở	Sở Kế hoạch và Đầu tư		2019	600	Sự nghiệp		

STT	TÊN DỰ ÁN, NHIỆM VỤ	CHỦ ĐẦU TƯ	MỤC TIÊU	THỜI GIAN THỰC HIỆN	DỰ KIẾN KINH PHÍ	NGUỒN VỐN	DỰ ÁN ƯU TIÊN	GHI CHÚ
15	Dự án đầu tư triển khai các hệ thống bao gồm các giải pháp phần cứng, phần mềm đảm bảo an toàn thông tin phục vụ cho công tác điều hành, lãnh đạo trong công tác PC&CC	Cảnh Sát PCCC	Triển khai hệ thống mạng (LAN) cho các đơn vị địa phương. Triển khai trung tâm giám sát cuộc gọi, tiếp nhận và xử lý tin báo cháy, nổ cho TTTTCH và các đơn vị địa phương (phần mềm kèm theo thiết bị gồm 01 máy chủ và máy trạm cho một điểm) Phần mềm hỗ trợ công tác thẩm duyệt, thiết kế vẽ PCCC cho các đơn vị địa phương (kèm thiết bị gồm 01 máy chủ và các máy trạm) Tăng cường hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho công tác ứng dụng CNTT (hệ thống máy chủ và máy trạm) Dự án chống sét lan truyền cho các phòng địa phương Triển khai thiết bị Fire-wall cho mạng LAN của các đơn vị địa phương	2016-2020	6.280	NS Bộ và NS tỉnh		
16	Nghiên cứu xây dựng hệ thống tiết kiệm năng lượng thí điểm tại Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải ô nhiễm môi trường, góp phần nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho cộng đồng.	2020	500	NS sự nghiệp TNMT		
17	Dự án hội nghị truyền hình hình hội nghị kết nối với điểm cầu của Bộ Công an và Hội nghị trực tuyến của Cảnh sát PC&CC tỉnh Đồng Nai	Cảnh Sát PCCC	Hội nghị truyền hình trực tuyến kết nối với điểm cầu của Bộ Công an và Cảnh sát PC&CC tỉnh Đồng Nai kết nối với các đơn vị địa phương.	2016-2020	8.580	NS Bộ và NS tỉnh	X	

STT	TÊN DỰ ÁN, NHIỆM VỤ	CHỦ ĐẦU TƯ	MỤC TIÊU	THỜI GIAN THỰC HIỆN	DỰ KIẾN KINH PHÍ	NGUỒN VỐN	DỰ ÁN ƯU TIÊN	GHI CHÚ
18	Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin và hệ thống đảm bảo an ninh, an toàn thông tin của Công an tỉnh.	Công an tỉnh	Đầu tư nâng cấp hệ thống mạng máy tính và hệ thống đảm bảo an ninh, an toàn thông tin của Công an tỉnh phù hợp với hệ thống hạ tầng của Bộ Công an.	2016-2020	12.000	Đầu tư phát triển		
19	Nâng cấp hạ tầng CNTT	Sở Xây dựng		2017-2018	1.500	sự nghiệp		
20	Đầu tư hạ tầng CNTT cho các điểm đổi giấy phép lái xe	Sở GTVT		2016-2018	3.000	sự nghiệp		
21	Nâng cấp hạ tầng mạng máy tính tại Sở Ngoại vụ	sở Ngoại vụ		2017-2018	2.000	sự nghiệp		
22	Nâng cấp hạ tầng CNTT	Sở Tài chính		2017	2.500	sự nghiệp		
23	Nâng cấp cơ sở hạ tầng CNTT	11 Huyện, thị xã, thành phố Biên Hòa		2016-2020	16.500	Đầu tư phát triển	X	
24	Duy trì hệ thống thông tin phục vụ chính quyền điện tử	11 Huyện, thị xã, thành phố Biên Hòa		2016-2020	16.500	Đầu tư phát triển	X	
B	Các dự án ứng dụng phục vụ công tác chỉ đạo và điều hành							
25	Xây dựng hệ thống thông tin và các phần mềm đặc trưng của tỉnh Đồng Nai.	Văn phòng Tỉnh ủy	Xây dựng hệ thống thông tin tổng hợp phục vụ cấp ủy; quản lý hồ sơ giao ban; đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong triển khai thực hiện nhiệm vụ và nâng cao hiệu quả, chất lượng thực thi nhiệm vụ của các cấp tham mưu. Xây dựng phần mềm có tính đặc thù riêng trong các cơ quan Đảng tại tỉnh Đồng Nai, không trùng với các phần mềm dùng chung do Trung ương phát triển	2016-2018	2.500	Đầu tư phát triển	X	
					97.277			

STT	TÊN DỰ ÁN, NHIỆM VỤ	CHỦ ĐẦU TƯ	MỤC TIÊU	THỜI GIAN THỰC HIỆN	DỰ KIẾN KINH PHÍ	NGUỒN VỐN	DỰ ÁN ƯU TIÊN	CHI CHỮ
26	Tin học hóa phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân	Văn phòng Đoàn ĐBQH VÀ HĐND		2017-2020	3.000	sự nghiệp		
27	Xây dựng và triển khai hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi của UBND tỉnh	Vp UBND tỉnh	Theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện các ý kiến chỉ đạo, công việc của UBND tỉnh. Triển khai CSSDL theo dõi đến các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh Nâng cấp duy trì hệ thống Quản lý văn bản tại Vp UBND tỉnh	2016-2020	3.000	sự nghiệp		
28	Xây dựng hệ thống tin quản lý ngành Y tế tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2018	Sở Y tế	Đầu tư hạ tầng CNTT và các phần hệ phần mềm bệnh viện	2016 -- 2018	23.508	Đầu tư phát triển	X	Báo cáo nghiên cứu khả thi và các thiết kế sơ bộ của dự án "Ứng dụng và phát triển hệ thống Công nghệ thông tin trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường" được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 543/QĐ-UBND ngày 04/3/2014, tiền độ 2014-2016
29	Dự án "Ứng dụng, phát triển hệ thống công nghệ thông tin trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường đến năm 2015"	Sở Tài nguyên và Môi trường	Nhằm đáp ứng việc quản lý, kết nối, xử lý và trao đổi thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực tài nguyên và môi trường từ cấp xã, cấp huyện đến cấp, từ cấp tỉnh đến Trung ương và giữa các sở ngành có liên quan trong tỉnh.	2016	14.625	NS sự nghiệp TNMT	X	

STT	TÊN DỰ ÁN, NHIỆM VỤ	CHỦ ĐẦU TƯ	MỤC TIÊU	THỜI GIAN THỰC HIỆN	DỰ KIẾN KINH PHÍ	NGUỒN VỐN	DỰ ÁN ƯU TIÊN	GHI CHÚ
30	Xây dựng hệ thống liên thông chia sẻ thông tin đất đai giữa Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng và Cục thuế	Sở Tài nguyên và Môi trường	Đảm bảo sự kết nối, chia sẻ thông tin đất đai giữa Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng và Cục thuế	2016 - 2020	500	NS sự nghiệp TNMT		
31	Xây dựng hệ thống Quản lý khí thải công nghiệp	Sở Tài nguyên và Môi trường	Xây dựng hệ thống tiếp nhận dữ liệu quan trắc khí thải tự động liên tục. - Xây dựng hệ thống dự báo chất lượng môi trường không khí xung quanh. - Xây dựng hệ thống giám sát môi trường bằng hình ảnh Flycam. - Tích hợp vào Hệ thống CSDL Môi trường phục vụ công tác quản lý.	2017- 2020	5.000	NS sự nghiệp TNMT		

STT	TÊN DỰ ÁN, NHIỆM VỤ	CHỦ ĐẦU TƯ	MỤC TIÊU	THỜI GIAN THỰC HIỆN	DỰ KIẾN KINH PHÍ	NGUỒN VỐN	DỰ ÁN ƯU TIÊN	GHI CHÚ
32	Xây dựng hệ thống quản lý Tài nguyên nước và cảnh báo thiên tai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Xây dựng module cảnh báo thông tin cho các doanh nghiệp khai thác nước mặt để sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; công bố thông tin về những đoạn sông không còn khả năng tiếp nhận chất thải; công khai thông tin tài nguyên nước theo Luật Tài nguyên nước. Xây dựng CSDL kiểm kê tài nguyên nước năm 2015 Xây dựng thí điểm hệ thống Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước dạng thẻ điện tử. - Xây dựng hệ thống thông tin cảnh báo ngập lụt vào mùa mưa bão, cảnh báo các tuyến đường trong đô thị bị ngập lụt theo thời gian thực trên mạng Internet. - Xây dựng hệ thống quan trắc nước ngầm và lũ đất; giám sát khai thác tài nguyên nước - Nâng cấp hệ thống dự báo chất lượng nước mặt sông Đồng Nai.	2017-2020	6.000	NS sự nghiệp TNMT		
33	Xây dựng cơ sở dữ liệu hoàn chỉnh phục vụ công tác ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tạo lập ngân hàng cơ sở dữ liệu cho công tác ứng phó BĐKH	2017-2020	2.000	NS sự nghiệp TNMT		

STT	TÊN DỰ ÁN, NHIỆM VỤ	CHỦ ĐẦU TƯ	MỤC TIÊU	THỜI GIAN THỰC HIỆN	DỰ KIẾN KINH PHÍ	NGUỒN VỐN	DỰ ÁN ƯU TIÊN	GHI CHÚ
34	Ứng dụng CNTT trong lĩnh vực quản lý bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Đồng Nai	Sở Nông nghiệp và PTNT	Nâng cấp hạ tầng CNTT tại Chi cục Kiểm lâm và các Hạt Kiểm lâm, các đơn vị chủ rừng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Cung cấp các phần mềm phục vụ công tác chuyên môn về quản lý hồ sơ cán bộ, hồ sơ xử lý vi phạm Luật Bảo vệ và phát triển rừng, về quản lý nuôi nhốt động vật hoang dã, về quản lý các cơ sở chế biến lâm sản; Nâng cấp phần mềm quản lý và theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai cho Chi cục Kiểm lâm và các Hạt Kiểm lâm. - Nâng cấp các cơ sở dữ liệu đang sử dụng phục vụ công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.	2016-2020	6.000	Đầu tư phát triển		
35	Xây dựng bản đồ cây trồng chủ lực dựa trên GIS nhằm thông kê và quản lý cơ sở dữ liệu về trồng trọt và bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và PTNT	quản lý dữ liệu cây trồng về diện tích, giống cây trồng chính, địa bàn phân bố, sản lượng, tình hình sâu bệnh qua từng mùa vụ. Thành lập các loại bản đồ chuyên đề	2016-2020	1.500	NS Sự nghiệp nông nghiệp		
36	Dự án "Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý dữ liệu về vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản của ngành nông nghiệp"	Sở Nông nghiệp và PTNT		2016-2020	3.000	NS Sự nghiệp nông nghiệp		
37	Hệ thống quản lý hồ sơ lao động, việc làm, dạy nghề, hồ sơ người có công và an sinh xã hội.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Số hóa toàn bộ hồ sơ liên quan đến đối tượng nhằm quản lý dễ dàng	□/16	644	Sự nghiệp	x	
38	Xây dựng Cơ sở dữ liệu ngành Công thương	Sở Công Thương		2016-2018	2.000	Đầu tư phát triển		

STT	TÊN DỰ ÁN, NHIỆM VỤ	CHỦ ĐẦU TƯ	MỤC TIÊU	THỜI GIAN THỰC HIỆN	DỰ KIẾN KINH PHÍ	NGUỒN VỐN	DỰ AN ƯU TIÊN	GHI CHÚ
39	Nâng cấp hệ thống thư điện tử tỉnh Đồng Nai	Sở Thông tin và Truyền thông	Nâng cấp và mở rộng hệ thống thư điện tử để xác thực chữ ký số	2017-2018	4.000	Đầu tư phát triển	X	Chính quyền điện tử Công văn số 2384/BTTTT-THH ngày 28/7/2015
40	Triển khai phần mềm bóc tách dữ liệu.	Sở Thông tin và Truyền thông	Triển khai phần mềm bóc tách dữ liệu cho tất cả các QONN trên địa bàn tỉnh phục vụ hiệu quả cho việc số hóa dữ liệu.	2016-2020	4.500	Đầu tư phát triển		
41	Triển khai Thực hiện thông đề kết nối các ứng dụng, CSDL và xây dựng Hệ thống quản lý Liên thông kết nối.	Sở Thông tin và Truyền thông	Hệ thống trực tiếp thông tích hợp giữ vai trò trung chuyển dữ liệu, giải quyết vấn đề giao tiếp, tương thích giữa các hệ thống phần mềm. Hệ thống quản lý liên thông kết nối giữa các phần hệ trong hệ thống và giữa các đơn vị với nhau. Quy mô 20 Sở, Ngành, 11 Huyện, 171 Xã	2016-2020	10.000	Đầu tư phát triển	X	Khuang Chính quyền điện tử Công văn số 2384/BTTTT-THH ngày 28/7/2015
42	Dự án Xây dựng hệ thống tích hợp cơ sở dữ liệu nghiệp vụ Công an tỉnh Đồng Nai	Công an tỉnh	Đầu tư xây dựng hệ thống tích hợp cơ sở dữ liệu nghiệp vụ trên nền tảng cơ sở dữ liệu nhân hộ khẩu, liên kết với một số hệ thống dữ liệu nghiệp vụ và công tác tham mưu, thống kê báo cáo, quản lý hồ sơ nghiệp vụ, An ninh, Cảnh sát và Xây dựng lực lượng - Hậu cần	2016-2017	4.500	Đầu tư phát triển		
43	Phần mềm QL nhân sự - Theo dõi Thi đua - Khen thưởng của toàn ngành thanh tra	Thanh tra tỉnh	Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về công tác quản lý nhân sự Quản lý thanh tra toàn ngành.	2016-2017	1.000	Sự nghiệp		
C	Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp				33.500			

STT	TÊN DỰ ÁN, NHIỆM VỤ	CHỦ ĐẦU TƯ	MỤC TIÊU	THỜI GIAN THỰC HIỆN	DỰ KIẾN KINH PHÍ	NGUỒN VỐN	DỰ ÁN ƯU TIÊN	GHI CHÚ
44	Xây dựng hệ thống cung cấp dịch vụ khai thác thông tin về Tài nguyên và Môi trường qua mạng Internet hoặc SMS	Sở Tài nguyên và Môi trường	Cung cấp thông tin về tài nguyên và môi trường qua Internet/ SMS cho doanh nghiệp, người dân	2016	1.000	NS sự nghiệp TNMT		
45	Xây dựng và mở rộng các phân hệ ứng dụng theo mô hình HCM eGov-Framework 2.0	Sở Thông tin và Truyền thông	Triển khai các phân hệ gồm: Quản lý văn bản và hồ sơ công việc; Tiếp nhận và quản lý hồ sơ theo mô hình một cửa; Trang thông tin tổng hợp thông tin phục vụ quản lý điều hành; Quản lý lịch công tác; Quản lý đơn thư khiếu nại tố cáo; Hệ thống Kiosk thông tin, mã vạch; Hệ thống nhân tin tự động tình trạng hồ sơ cho người dân; Hệ thống đánh giá hài lòng khách hàng...	2016-2020	18.000	NS tỉnh		Công văn số 2634/BTTTT-THH
46	Xây dựng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 cho các cơ quan hành chính nước trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Phân ki hàng năm	2016-2020	12.000	Sự nghiệp	X	Quyết định số 1631/QĐ-UBND ngày 19/6/2015 của UBND tỉnh
47	Nâng cấp hệ thống một cửa cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông		2016-2017	1.000	Sự nghiệp	X	

STT	TÊN DỰ ÁN, NHIỆM VỤ	CHỦ ĐẦU TƯ	MỤC TIÊU	THỜI GIAN THỰC HIỆN	DỰ KIẾN KINH PHÍ	NGUỒN VỐN	DỰ ÁN ƯU TIÊN	GHI CHÚ
48	Xây dựng phần mềm quản lý thông tin doanh nghiệp và giám sát đánh giá đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quản lý thông tin về dự án đầu tư và thông tin doanh nghiệp từ khi được cơ quan có thẩm quyền thỏa thuận địa điểm, cấp chứng nhận đầu tư, đăng ký kinh doanh đến khi kết thúc hoạt động. - Thuận lợi cho các chủ đầu tư trong việc báo cáo tình hình triển khai thực hiện, tiến độ giải ngân... của dự án, Thuận lợi trong công tác giám sát đánh giá dự án đầu tư, hiệu quả kinh doanh nghiệp	2016 - 2017	1.500	sự nghiệp		
D Công tác đảm bảo an toàn thông tin					30.000			
49	Dự án An toàn thông tin trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	Sở Thông tin và Truyền thông	Đảm bảo giám sát, phòng, chống tấn công mạng, virus và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho Tất cả các cơ quan, đơn vị hành chính và các cơ quan Đảng, Đoàn thể và tổ chức chính trị xã hội.	2017-2018	30.000	Đầu tư phát triển	X	Căn cứ Quyết định số 63/QĐ-TTg ngày 13/01/2010 Nghị quyết 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 Nghị quyết 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 Công văn số 2634/BTTTT-THH ngày 17/8/2015